

## CÁC GIẢI PHÁP TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG GIAI ĐOẠN 2011-2020

Nguyễn Văn Cường

Văn phòng Chính phủ Việt Nam

(Bài nhận ngày 14 tháng 05 năm 2011, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 10 tháng 06 năm 2011)

**TÓM TẮT:** Bài báo tập trung phân tích những thành tựu và những hạn chế của việc xây dựng và phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung – một trong những khu vực kinh tế quan trọng của Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

**Từ khóa :** Phát triển bền vững, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Vùng kinh tế trọng điểm là nơi hội tụ đầy đủ nhất các điều kiện phát triển, có khả năng tạo lợi thế cạnh tranh, làm đầu tàu tăng trưởng nhanh để đẩy mạnh quá trình phát triển cho chính mình và tiến tới đóng vai trò chi phối quyết định đối với nền kinh tế cả nước. Có nhiều lý thuyết về Vùng kinh tế trọng điểm như: Lý thuyết vị trí trung tâm của W. Christaller năm 1933, lý thuyết cực tăng trưởng của Francois Pessous năm 1950.... Với quan điểm “Muốn toàn bộ quốc gia phồn thịnh thì nhất định phải có một số vùng giàu lên trước những vùng khác”, do vậy, các quốc gia đều tập trung phát triển các Vùng kinh tế trọng điểm.

Khi nền kinh tế phát triển ở mức độ thấp, cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp thì hoạt động kinh tế có xu hướng phân bố đều theo không gian trên một diện tích rộng, điều này có nguyên nhân từ việc tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp chính là đất trồng trọt. Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, chuyên

môn hóa ngày càng cao trong sản xuất hàng hóa là xu thế tất yếu. Khi cơ cấu kinh tế chuyển dần sang công nghiệp và dịch vụ, cùng với việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động thì hoạt động kinh tế sẽ không thể phân bố đều theo không gian. Lẽ tất yếu là sẽ xuất hiện một số vùng, địa bàn có ưu thế hơn so với các vùng khác về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, tài nguyên khoáng sản, con người... Các lợi thế so sánh này nếu được sử dụng tốt, sẽ đem lại cho các vùng, địa bàn này các ưu thế trong việc thu hút đầu tư, thu hút lao động, mở rộng giao lưu thương mại quốc tế, biến những vùng, địa bàn này thành các đầu tàu kinh tế, trung tâm tăng trưởng để dẫn dắt các vùng, miền khác trong quá trình phát triển kinh tế. Tính đến năm 2002, trên thế giới có 3.000 khu thương mại tự do của 116 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đặc biệt quá trình phát triển của các nước như Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Dubai... đã cho Việt Nam những mô hình và kinh nghiệm

quý báu trong việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp, một trong những khâu đột phá được xác định là việc hình thành các cực tăng trưởng kinh tế. Vào đầu những năm 90 thế kỷ XX, ý tưởng hình thành các tam giác phát triển đã xuất hiện ở nước ta dựa trên những ưu thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lợi thế so sánh. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 11/09/1997; số 1018/QĐ-TTg ngày 29/11/1997; số 44/QĐ-TTg ngày 23/2/1998 về việc thành lập ba Vùng kinh tế trọng điểm (Bắc Bộ, miền Trung, phía Nam).

Thời gian qua, Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn

bản về phát triển các Vùng kinh tế trọng điểm, trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung( VKTTĐMT). Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số: 20/2004/QĐ-TTg ngày 18/2/2004 về việc thành lập Tổ chức điều phối phát triển các Vùng kinh tế trọng điểm. Hàng năm, Văn phòng Ban Chỉ đạo điều phối các Vùng kinh tế trọng điểm phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương đều tổ chức Hội nghị giao ban Vùng kinh tế trọng điểm, trên cơ sở kết luận của lãnh đạo Chính phủ tại Hội nghị, Văn phòng chính phủ đã có các Thông báo kết luận ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ ...

Đến nay các Vùng kinh tế trọng điểm đã có đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước:

**Một số chỉ tiêu tổng hợp 3 Vùng kinh tế trọng điểm**

Chỉ tiêu	Đơn vị	1995		2000		2005	
		Tổng số	%/cả nước	Tổng số	%/cả nước	Tổng số	%/cả nước
Dân số	Nghìn người	27.924	38,8	30.320	39,1	32.949	39,6
GDP, giá thực tế	Tỷ đồng	117.140	51,2	240.604	54,5	254.881	65,4
GT Công nghiệp	“	44.080	67,0	116.143	71,6	292.000	84,8
GT Dịch vụ	“	50.612	50,2	93.201	54,5	203.942	63,9
GP/người	Triệu đồng	4,2	131,9	7,9	139,5	16,7	165
Thu ngân sách	Tỷ đồng	30.394		93.786	93,3	197.296	85,7

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Năm 2005, so với cả nước dân số của 3 vùng chiếm 39,6%, GDP chiếm 65,4%, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 85%, giá trị dịch vụ chiếm 64%, thu ngân sách chiếm 86%. Tuy nhiên đến năm 2009, tăng trưởng GDP của các VKTTĐ là 11,1% (cả nước tăng 5,3%); giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80%, nông nghiệp chiếm 45%, dịch vụ chiếm 75%, xuất khẩu

chiếm 91%, thu ngân sách chiếm 89% trong tổng số chung của cả nước.

**Đối với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung:**

Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã thể hiện quyết tâm phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bằng hàng loạt các văn bản với nhiều cơ chế chính sách như: Nghị quyết của

Bộ Chính trị (Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 về việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010), các Quyết định của Chính phủ... với mục tiêu là đưa Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng và là vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung và Tây Nguyên, với ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển gắn với công nghiệp và dịch vụ.

Ngày 09/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 658/TTg ngày về việc chọn địa bàn từ Liên Chiểu (Quảng Nam – Đà Nẵng) đến Dung Quất (Quảng Ngãi) là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thời kỳ 1996-2000. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký các Quyết định: số 1018/QĐ-TTg ngày 29/11/1997 và số 148/QĐ-TTg ngày 13/8/2008 thành lập Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung gồm 5 địa phương là: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

Trong thời gian vừa qua, Vùng KTTĐMT là khu vực phát triển năng động, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của đất nước. Vùng

phát triển khá toàn diện với một số nét nổi bật sau:

*Vùng duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với với bình quân chung của cả nước và đã trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, kho học công nghệ của khu vực Miền Trung.*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trung bình thời kỳ năm 2006 - 2008 tăng trung bình 12,6%, bằng khoảng 1,7 lần tốc độ tăng của cả nước ( cả nước cùng thời kỳ tăng 7,6%). Trong đó khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 16,4 % ( cao hơn mức bình quân 9,1% của cả nước); dịch vụ tăng 14,4% ( cả nước tăng 8,1%); nông nghiệp tăng 4% ( cả nước tăng 3,6%).

*Cơ cấu kinh tế của vùng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, hiện đại, tỷ trọng ngành công nghiệp dịch vụ gia tăng và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp.*

Từ năm 2000 đến năm 2008, tỷ trọng các ngành trong GDP biến đổi như sau: ngành nông nghiệp giảm từ 33,1% xuống còn 20,4%; ngành công nghiệp tăng từ 26,7% lên 39,4%.

**Cơ cấu các ngành kinh tế**

**Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn 2000-2008**

*Đơn vị: %*

Chỉ tiêu	2000	2003	2004	2005	2006	2007	2008
<b>Nông nghiệp</b>	33,1	29,3	28,1	26,0	24,3	22,3	20,4
<b>Công nghiệp</b>	26,7	31,5	33,7	35,7	37,1	37,9	39,4
<b>Dịch vụ</b>	40,1	39,1	38,2	38,3	38,6	39,8	40,1
<b>Tổng</b>	100	100	100	100	100	100	100

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Cơ cấu kinh tế theo các thành phần kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng xấp sếp lại các thành phần kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng khu vực kinh tế dân doanh, kinh tế hợp tác xã, các thành phần kinh tế khác.

*Các lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống người dân từng bước được nâng cao.*

Tăng trưởng kinh tế cao và liên tục trong thời gian qua đã đưa thu nhập bình quân của người dân trong vùng tăng khá nhanh. Năm 2000, thu nhập bình quân đầu người đạt 3,5 triệu đồng/ người (cả nước đạt 5,7 triệu); năm 2008 đạt 13 triệu đồng/ người (cả nước đạt 17,2 triệu). Lĩnh vực giáo dục và y tế có nhiều tiến bộ, các hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục, văn hóa thể dục, thể thao phát triển khá mạnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 42,5% năm 1998 (cả nước là 37,4%) xuống còn 14,64% năm 2008 (cả nước là 13,5%). Hàng năm giải quyết được nhiều việc là cho người lao động (năm 2009 giải quyết 114 nghìn lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh hàng năm (năm 1996 tỷ lệ là 10,2%, năm 2008 tăng lên 29,2%).

*Bên cạnh các thành tựu đạt được, VKTTĐMT vẫn còn một số mặt tồn tại cần quan tâm như:*

- Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng;

- Cơ cấu kinh tế chưa tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững; kinh tế các địa phương trong Vùng vẫn chưa thực sự vượt trội so với mặt bằng chung của cả nước. Các địa phương chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng

bằng vốn, bằng đất đai, bằng khai thác tài nguyên, bằng lao động nhân công giá rẻ... việc sử dụng các lợi thế này cũng có giới hạn;

- Các vấn đề liên quan đến môi trường ngày càng phức tạp (ô nhiễm, thiên tai...) tại các địa phương trong Vùng ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế xã hội. Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản còn nhiều bất cập.

- Việc phối hợp, kết hợp giữa các địa phương và các Bộ, ngành trong việc triển khai các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ còn chậm. Một số bộ, ngành, địa phương chưa thấy rõ vai trò quan trọng của công tác điều phối nội Vùng và liên vùng, thiếu chủ động trong công tác điều phối, chưa có kế hoạch cụ thể cho công tác điều phối. Vai trò của bộ máy điều phối (Văn phòng Ban Chỉ đạo điều phối các Vùng kinh tế trọng điểm) còn mờ nhạt với tính chất “đứng ngoài nhìn vào” hoặc là “đứng trên nhìn xuống”, chưa thể hiện là trung tâm điều phối, kết nối các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;

- Cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong Vùng nhiều khi vẫn mang tính hình thức. Một số cam kết, thỏa thuận giữa lãnh đạo các địa phương trong Vùng được thực hiện ở mức độ thấp. Việc phân công, phối kết hợp giữa các tỉnh, thành phố trong cùng một Vùng kinh tế trọng điểm vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý, còn xảy ra việc đầu tư trùng lắp, các địa phương chưa có điều kiện phát huy được lợi thế so sánh của mình. Các tỉnh, thành phố trong Vùng có vị trí địa lý liền kề với nhau, tuy nhiên quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội lại tương

đổi độc lập, đều đầu tư xây dựng cảng biển hoặc sân bay quốc tế (ví dụ: Đà Nẵng, Huế), các địa phương đều là các trung tâm kinh tế, giáo dục, văn hóa của vùng nhưng tính phối hợp, tương tác nội vùng lại chưa cao;

- Quy hoạch tổng thể Vùng cũng như quy hoạch của từng địa phương, quy hoạch ngành chưa thật đồng bộ, quan điểm “tư duy nhiệm kỳ” vẫn tồn tại ở nhiều cấp;

- Đời sống của một bộ phận người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính sách còn gặp nhiều khó khăn.

Các hạn chế, bất cập trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sức cạnh tranh của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung và các địa phương nói riêng, có nguyên nhân từ việc các địa phương có xuất phát điểm tương đối thấp, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, nguồn lực hạn chế, eo hẹp, nhiều cơ chế chính sách về phân cấp chưa thực sự phù hợp với hoàn cảnh thực tế dẫn đến việc các địa phương mạnh ai nấy làm, coi nhẹ công tác phối, kết hợp nội vùng và liên vùng, thiếu sự đồng bộ trong việc lập và thực hiện quy hoạch. Từ đó dẫn đến việc chưa đáp ứng đủ các yêu cầu phục vụ phát triển và nhu cầu thu hút đầu tư ...mặc dù đến nay cơ chế, chính sách nhìn chung đã thoáng hơn nhiều so với trước năm 2000.

Nhìn chung, nhờ sự quan tâm đầu tư của Trung ương và Chính phủ, Vùng kinh tế trọng điểm miền trung đã có bước phát triển khá nhanh. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp (tỷ trọng

nông nghiệp giảm từ 33,1% năm 2000 xuống còn 20,4% năm 2008). Các lĩnh vực văn hoá xã hội có tiến bộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, quốc phòng an ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được duy trì ổn định.

Để phát triển nhanh, bền vững Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện một số nhóm giải pháp sau:

**Giải pháp thứ nhất:** Trung ương và Chính phủ cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của Vùng. Có thể đề xuất Trung ương, Quốc hội cho phép thí điểm nhiều mô hình mới. Khẩn trương đánh giá lại toàn bộ hệ thống cơ chế chính sách hiện hành, từ đó sửa đổi, bổ sung, xây dựng một hệ thống các cơ chế, chính sách mới phù hợp với mục tiêu phát triển của Vùng giai đoạn 2011 - 2020, cụ thể là:

- Tạo cơ chế, chính sách để phát triển các ngành có nhiều tiềm năng, lợi thế và có thị trường phát triển.

- Đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao cho các ngành sản xuất và dịch vụ đặc biệt là những ngành có thế mạnh.

- Đổi mới cơ chế để thu hút mạnh hơn đầu tư trong và ngoài nước phục vụ phát triển. Tạo cơ chế thỏa đáng, phát triển các khu kinh tế mở, khu kinh tế tự do (Chu Lai, Dung Quất, Lăng Cô – Chân Mây, Nhơn Hội...).

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với một số địa phương của các quốc gia láng giềng nhằm tận dụng các thế mạnh sẵn có của Vùng.

- Trong khi xây dựng, điều chỉnh các cơ chế, chính sách cần chú trọng việc đẩy mạnh phát triển hợp tác nội vùng và liên vùng nhằm phát triển lợi thế so sánh của từng địa phương.

**Giải pháp thứ hai:** Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch của toàn Vùng và từng địa phương phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2011 – 2020 và những năm tiếp theo. Nếu cần có thể thuê tư vấn quốc tế xây dựng quy hoạch để nâng cao chất lượng chuyên môn.

**Giải pháp thứ ba:** Đổi mới quy chế tổ chức và điều hành các Vùng kinh tế trọng tại miền Trung một cách có hiệu quả, nâng cao vai trò, công tác phối hợp giữa các địa phương trong vùng với Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các Vùng kinh tế trọng điểm.

**Giải pháp thứ tư:** Giải pháp đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống của người dân trong Vùng KTTĐ miền Trung, đặc biệt là đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách khác.

#### **Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, phân tích, đánh giá những điểm phát triển nổi bật, các tồn tại yếu kém và nguyên nhân của Vùng KTTĐMT, có thể bước đầu đi đến một số kết luận sau:

- Vùng KTTĐMT là một vùng có vị trí địa lý đặc biệt có khả năng phát triển nhanh và bền vững. Trong thời gian qua, Vùng đã duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển

dịch nhanh theo hướng tích cực, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Các lĩnh vực văn hóa xã hội của vùng có tiến bộ, đời sống người dân từng bước được cải thiện rõ rệt, quốc phòng, an ninh, trật tự trị an xã hội được đảm bảo và duy trì ổn định. Bên cạnh đó, sự phát triển của vùng còn một số tồn tại, yếu kém cần quan tâm, trong đó có nguyên nhân do chưa xây dựng được các giải pháp nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của Vùng.

- Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng cần được quán triệt và quan tâm triển khai thực hiện ở cấp ủy, chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, nhằm tạo điều kiện cho vùng phát triển bền vững với tốc độ cao hơn bình quân chung của cả nước.

- Để đạt được mục tiêu đề ra, cần nhanh chóng xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp khả thi. Một số cơ chế có thể trình Trung ương Đảng, Quốc hội cho phép thi điểm. Chính phủ cùng các Bộ, ngành Trung ương, địa phương cần nhanh chóng xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp để có thể áp dụng ngay trong năm 2011, trong quá trình thực hiện sẽ điều chỉnh cho phù hợp.

**SOME SOLUTIONS TO MAKE BREAKTHROUGHS IN THE SUSTAINABLE  
DEVELOPMENT OF THE KEY ECONOMIC ZONE IN THE CENTRAL OF  
VIETNAM IN 2011-2012 PERIOD**

**Nguyen Van Cuong**

Local Department, Government Office

**ABSTRACT:** *The paper focuses on analyzing some achievements as well as shortcomings of the building and development of the key economic zone in the Central – one of the important economic areas of Vietnam in the context of reform and integration.*

**Keywords:** *Sustainable development, the key economic zone in the central of Vietnam*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI - - Nhà xuất bản chính trị quốc gia. HN năm 2001, 2011.
- [2]. Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2010.
- [3]. Quyết định số 1080/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 148/ QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- [4]. Quyết định số 1080/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 148/ QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- [5]. Quyết định số 1022/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo và điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.
- [6]. Quyết định số 159/2007/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương đối với các kinh tế trọng điểm.
- [7]. Thông báo số 60/TB-VPCP ngày 4 tháng 4 năm 2005 của VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị giao ban ban tổ chức điều phối phát triển VKTTĐPN.
- [8]. TSKH Võ Đại Lược, *Các khu kinh tế tự do ở DuBai, Hàn Quốc và Trung Quốc*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, (2009).
- [9]. GSTS Nguyễn Văn Nam, *Cơ chế, chính sách phát triển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm đến năm 2015*.
- [10]. TS Nguyễn Văn Cường, *Tiềm năng phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*, NXB chính trị quốc gia, (2008).